

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CHO TRẺ TỰ KỶ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phạm Đức Hòa⁽¹⁾; Phan Ngọc Thiết Kế⁽¹⁾

Tóm tắt:

Trên cơ sở điều tra, khảo sát nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng công tác tổ chức giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ tại thành phố Đà Nẵng thông qua đánh giá nhận thức của các giáo viên hiện đang giảng dạy cho trẻ tự kỷ, thực trạng lập kế hoạch và thực hiện kết hoạch giáo dục phát triển kỹ năng vận động cho trẻ, thực trạng hiệu quả sử dụng các phương pháp giáo dục... Kết quả nghiên cứu là căn cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ tại thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: Thực trạng, giáo dục kỹ năng vận động, trẻ tự kỷ, TP. Đà Nẵng.

Current status of organizing physical movement skills education for autistic children in Da Nang City

Summary:

Based on investigation and research, the article focuses on clarifying the current status of organizing physical movement skills education for autistic children in Da Nang City. The assessment is done through assessing the awareness of teachers, who are currently teaching autistic children, the current status of program and children development program implement, the current status of educational methodology effectiveness... Research results are an important basis to propose solutions to improve the effectiveness of organizing physical movement skills education for autistic children in Da Nang City.

Keywords: Current situation; physical movement skills education; autistic children; Danang city.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đa số trẻ tự kỷ (TTK) đều gặp khó khăn về vận động, trong đó: khoảng 1/3 số trẻ thuộc thể I, khó hoạt hóa được hoạt động vận động của cơ thể trẻ; 2/3 số trẻ thường tăng năng động và khó khăn trong việc tự kiểm soát hành vi của mình; thêm vào đó là vấn đề khó khăn trong khả năng điều hòa cảm giác cơ thể. Vậy, tác động đến vận động là điều đầu tiên cần thực hiện để giúp trẻ giữ cơ thể trong trạng thái cân bằng để có thể hoạt động, học tập và làm việc hiệu quả. Hầu hết TTK gặp khó khăn trong việc xác định tính mục đích của hoạt động. Vận động ở TTK thường tự phát mà chính bản thân trẻ cũng không kiểm soát được. Vận động là kỹ năng nền tảng góp phần giúp TTK kiểm soát hành vi, hoạt hóa hành vi – vận động, đẩy nhanh hoặc kiểm soát tốc độ và khả năng tư duy... quá trình học tập và rèn luyện của trẻ sẽ diễn ra hiệu quả hơn.

Thông tư số 3/2018/TT-BGDĐT ngày

29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật với mục tiêu “ Người khuyết tật được phát triển khả năng của bản thân, được hòa nhập và tăng cơ hội đóng góp cho cộng đồng; Đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của người khuyết tật ” [1], quy định về việc tổ chức giáo dục, chăm sóc người khuyết tật thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cũng như xã hội đối với người khuyết tật, giúp họ có sự bình đẳng trong việc hưởng thụ các nhu cầu cần thiết của con người.

Thực tiễn theo thống kê cho thấy, Hội chứng tự kỷ ở trẻ em trên thế giới và Việt Nam đang có xu hướng ngày càng tăng, với nhiều cơ sở giáo dục, chăm sóc TTK với mục đích chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng... cho các em. Vì thế, để giúp cho các nhà chuyên môn, các nhà quản lý giáo dục có cơ sở nhìn nhận và có những định hướng thay đổi trong thời gian tới

⁽¹⁾ThS, Khoa Giáo dục Thể chất - ĐH Đà Nẵng

BÀI BÁO KHOA HỌC

để đẩy mạnh phát triển KNVĐ của TTK, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho TTK trong các trường và trung tâm can thiệp sớm tại thành phố Đà Nẵng. Để có căn cứ tác động các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả giáo dục KNVĐ cho TTK, việc tiến hành nghiên cứu “Thực trạng công tác tổ chức giáo dục KNVĐ cho TTK tại thành phố Đà Nẵng” là cần thiết, cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán thống kê.

Đối tượng khảo sát: 80 giáo viên (GV) hiện đang dạy tại các trường/trung tâm can thiệp sớm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Nhận thức về vai trò của trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ đặc biệt trong phát triển KNVĐ cho TTK

Để đánh giá nhận thức về vai trò của trường và trung tâm giáo dục trẻ đặc biệt trong phát triển KNVĐ cho TTK chúng tôi tiến hành phỏng vấn các GV hiện đang giảng dạy tại các trường và trung tâm giáo dục trẻ đặc biệt tại TP. Đà Nẵng. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Đa số đối tượng khảo sát có nhận thức tích cực về vị trí, vai trò của trường và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật trong giáo dục hòa nhập cho TTK. 100% GV đồng ý với 7 nhận định về vai trò của trường mầm non và trung tâm giáo dục trong phát triển KNVĐ cho TTK.

Bảng 1. Nhận thức của GV về vai trò của trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ đặc biệt trong phát triển KNVĐ cho TTK (n=80)

TT	Vai trò	Ý kiến đánh giá (%)		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Phát hiện sớm trẻ mắc tự kỷ bằng các biện pháp phối hợp có tính chuyên biệt	100	0	0
2	Xây dựng chương trình phối hợp để phát triển KNVĐ cho TTK theo định hướng giáo dục cá nhân	100	0	0
3	Tổ chức đánh giá sự biến đổi của TTK sau quá trình tác động	100	0	0
4	Tổ chức quá trình phối hợp tác động giáo dục giúp TTK từng bước làm quen KNVĐ, hòa nhập với cuộc sống xã hội	100	0	0
5	Tư vấn cho cha mẹ, cộng đồng về cách chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng cho trẻ, cập nhật những thông tin mới về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt	100	0	0
6	Xây dựng môi trường giáo dục tích cực về cơ sở vật chất, GV điều kiện thuận lợi cho giáo dục KNVĐ cho TTK	100	0	0
7	Sử dụng các phương thức hỗ trợ, trị liệu phục hồi chức năng cho trẻ tại trung tâm, trường mầm non, gia đình	100	0	0

Bảng 2. Đánh giá công tác lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK

TT	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá	Thứ bậc
1	Xác định căn cứ lập kế hoạch	4.35	1
2	Đánh giá thuận lợi, khó khăn của trẻ và điều kiện giáo dục	4.02	2
3	Xác định mục tiêu giáo dục phát triển KNVĐ	3.84	3
4	Xây dựng nội dung giáo dục phát triển KNVĐ	3.15	6
5	Xác định các phương pháp giáo dục phát triển KNVĐ cho trẻ	2.45	9
6	Xác định phương tiện tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNVĐ cho trẻ	3.06	7
7	Xác định thời gian và quy trình tác động	3.26	5
8	Xác định phương án phối hợp giữa GV và cán bộ nhân viên trung tâm	2.7	8
9	Số hóa về giáo dục phát triển KNVĐ	3.36	4
10	Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả tác động trên trẻ	2.38	10

2. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK

Để làm rõ thực trạng lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK chúng tôi tiến hành phỏng vấn các GV về các nội dung hoạt động phục vụ công tác lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK (bảng 2).

Phân tích bảng 2 cho thấy: Trong công tác lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK, các nội dung đã thực hiện tương đối tốt là: Xác định căn cứ lập kế hoạch; Đánh giá thuận lợi, khó khăn của trẻ và điều kiện giáo dục; Xác định mục tiêu giáo dục phát triển KNVĐ; Số hóa về giáo dục phát triển KNVĐ. Những công việc chưa thực hiện tốt là: Xác định thời gian và quy trình tác động; Xây dựng nội dung giáo dục phát triển KNVĐ; Xác định phương tiện tổ chức hoạt động giáo dục phát triển KNVĐ cho trẻ; Xác định phương án phối hợp giữa GV và cán bộ nhân viên trung tâm; Xác định các phương pháp giáo dục phát triển KNVĐ cho trẻ; Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả tác động trên trẻ.

Một yêu cầu cơ bản trong giáo dục KNVĐ cho TTK là lập kế hoạch và tổ chức kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng trẻ. Để tìm hiểu về việc lập kế hoạch và tổ chức kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng TTK, chúng tôi tiến hành khảo sát trên các GV tại các trường và trung tâm chuyên biệt.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, tỷ lệ kế hoạch giáo dục cá nhân được xây dựng cho từng trẻ chỉ chiếm khoảng 20,5% trên tổng số các kế hoạch giáo dục trẻ phải xây dựng theo yêu cầu chuyên môn. Nhiều GV trực tiếp phụ trách, thực hiện công tác giáo dục trẻ ở các lớp có TTK không xây dựng kế hoạch cá nhân độc lập mà chỉ xây dựng kế hoạch giáo dục chung, tích hợp các nội dung dành cho TTK vào kế hoạch của nhóm lớp.

Đối với những lớp GV có lập kế hoạch cá nhân cho trẻ, chúng tôi đánh giá năng lực lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho TTK. Kết quả được trình bày ở bảng 3.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, trong việc xây dựng kế hoạch cá nhân cho TTK, nội dung đã được GV thực hiện ở mức độ khá theo thứ tự từ cao xuống thấp là: Xác định nội dung giáo dục cá nhân; Đánh giá kết quả biến đổi ở trẻ theo mục tiêu; Xây dựng mục tiêu giáo dục cá nhân. Tuy nhiên khâu quan trọng và có ý nghĩa tiền đề cho việc lập kế hoạch cá nhân là Xác định năng lực, nhu cầu cá nhân của trẻ thì chỉ được thực hiện ở mức độ trung bình và ở mức độ tương tự là việc xác định và xây dựng hệ thống hoạt động tác động chuyên biệt và thực hiện các biện pháp can thiệp trực tiếp chưa đáp ứng được yêu cầu. Phối hợp thực hiện cùng gia đình thông qua giáo án điện tử có vai trò quan trọng cũng chưa được

Bảng 3. Đánh giá thực trạng công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho TTK của GV (n = 80)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá	Thứ bậc
1	Xác định năng lực, nhu cầu cá nhân của trẻ	3.36	4
2	Xây dựng mục tiêu giáo dục cá nhân	3.52	3
3	Xác định nội dung giáo dục cá nhân	3.84	1
4	Xây dựng hệ thống hoạt động tác động chuyên biệt	3.15	5
5	Thực hiện các biện pháp can thiệp trực tiếp	3.1	6
6	Phối hợp thực hiện cùng gia đình thông qua giáo án điện tử	3.06	7
7	Đánh giá kết quả biến đổi ở trẻ theo mục tiêu	3.58	2
Điểm trung bình chung		3.37	

Bảng 4. Thực trạng thực hiện quy trình giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK (n = 80)

TT	Quy trình giáo dục	Mức độ thực hiện (%)		
		TX	KTX	KTH
1	Đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ	60.27	9.73	30
2	Xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục/kế hoạch giáo dục cá nhân	75.56	4.44	20
3	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục/kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ	65.5	11.5	23
4	Đánh giá kết quả chương trình phát triển KNVĐ cá nhân	54.07	15.53	30.4

Ghi chú: TX: Thường xuyên; KTX: Không thường xuyên; KTH: Không thực hiện

thực hiện tốt.

3. Thực trạng thực hiện quy trình giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK

Để đánh giá thực trạng thực hiện quy trình giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK, chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV đã thực hiện các quy trình giáo dục đối với việc giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Số liệu thể hiện trong bảng 4 cho thấy, quy trình giáo dục KNVĐ cho TTK được thực hiện theo 4 bước: (1) Đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ; (2) Xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục/kế hoạch giáo dục cá nhân; (3) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục/kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ; (4) Đánh giá kết quả chương trình phát triển KNVĐ cá nhân. Việc thực hiện quy trình giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK qua

khảo sát thực tiễn cho thấy tỷ lệ các GV đã thực hiện các quy trình giáo dục đối với việc giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK còn chưa được tốt. Tỷ lệ thực hiện thường xuyên theo các bước chỉ chiếm khoảng từ 50 – 70% GV thực hiện, trong khi có tới 20-30% không thực hiện.

4. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK

Để làm rõ việc thực hiện các nội dung giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK, chúng tôi tiến hành phỏng vấn để tìm hiểu thực trạng các GV đang thực hiện các nội dung giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK, kết quả được trình bày tại bảng 5.

Phân tích bảng 5 cho thấy: Theo đánh giá của GV, những nội dung được thực hiện thường xuyên đạt tỷ lệ từ mức độ cao đến thấp trong thực hiện thường xuyên thể hiện ở nội dung giáo

Bảng 5. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK

TT	Nội dung giáo dục	Mức độ thực hiện (%) (n=80)		
		TX	KTX	KTH
1	Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	60.4	22.9	16.7
2	Kỹ năng vận động bò, trườn, trèo	57.8	35.9	6.3
3	Kỹ năng vận động ném, chuyền và bắt	55.8	34.1	10.1
4	Kỹ năng vận động nhảy – bật	55.6	32.3	12.1
5	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay – mắt	66.1	18.4	15.5

Ghi chú: TX: Thường xuyên; KTX: Không thường xuyên; KTH: Không thực hiện

dục KNVĐ tinh phối hợp tay – mắt (66,1 %); Giáo dục “KNVĐ đi, chạy và thăng bằng”(60,4 %); Giáo dục “KNVĐ bò, trườn, trèo”(57,8 %); Giáo dục “KNVĐ ném, chuyền và bắt” và cuối cùng là Giáo dục “KNVĐ nhảy – bật”(55,6%).

Tìm hiểu về vấn đề này bằng phương pháp quan sát các hoạt động tổ chức cho trẻ và đàm thoại với GV, chúng tôi nhận thấy, mặc dù GV nhận thức được sự cần thiết hình thành các KNVĐ cho trẻ song điều kiện thực hiện còn nhiều khó khăn, phần lớn các GV chưa có thời gian riêng trong chế độ tổ chức hoạt động hằng ngày để can thiệp cá nhân phát triển KNVĐ cho

trẻ, nhiều GV phân vân vì chưa dành nhiều thời gian cho TTK, không chắc chắn vào khả năng của bản thân, thiếu niềm tin vào sự thành công của trẻ. Trong quá trình thực hiện còn gặp khó khăn do sự thiếu đồng bộ giữa cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học...với nội dung, chương trình cần thực hiện.

5. Thực trạng mức độ sử dụng và hiệu quả sử dụng các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK

Để tìm hiểu về thực trạng việc sử dụng các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK và hiệu quả của các phương pháp mà GV đang sử dụng,

Bảng 6. Mức độ sử dụng và hiệu quả các phương pháp giáo dục KNVĐ cho TTK của các GV giảng dạy

TT	Phương pháp giáo dục KNVĐ	Mức độ sử dụng			Hiệu quả		
		TB	SD	Thứ bậc	TB	SD	Thứ bậc
1	Sử dụng các phương pháp chuyên biệt dành cho trẻ tự kỉ	0.93	0.78	6	0.6	0.72	7
2	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá biệt hoá (IEP)	0.7	0.75	8	0.43	0.63	9
3	Khuyến khích, khen thưởng	1.93	0.25	3	1.87	0.35	1
4	Trách phạt	1.8	0.41	4	1.47	0.73	2
5	Thị phạm	2	0	1	1.4	1.72	3
6	Phân tích kết hợp thị phạm	2	0	1	1.17	0.6	4
7	Phương pháp tăng tiến	0.07	0.25	13	0.1	0.4	13
8	Sử dụng giáo cụ trực quan	0.93	0.78	6	0.87	0.9	6
9	Kết hợp số hoá giáo trình giảng dạy	0.47	0.73	10	0.4	0.42	10
10	Phương pháp đóng vai	0.5	0.75	8	0.33	0.71	11
11	Phương pháp trò chơi	0.5	0.73	9	1.13	0.82	5
12	Phương pháp dạy học khám phá	0.37	0.61	11	0.28	0.63	14
13	Phương pháp dạy học trải nghiệm	1.47	0.63	5	0.47	0.73	8
14	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề	0.33	0.71	12	0.3	0.53	12

chúng tôi tiến hành khảo sát các GV hiện đang giảng dạy tại các trường và trung tâm dạy TTK trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Phân tích kết quả trình bày trên bảng 6, chúng tôi đi đến một số nhận định: GV đã biết sử dụng khá phong phú các phương pháp dạy học khác nhau để giáo dục KNVĐ cho TTK. Tuy nhiên, mức độ sử dụng mỗi phương pháp lại khác nhau. Qua bảng trên ta thấy: các phương pháp thị phạm, phân tích kết hợp thị phạm, khen thưởng, trách phạt, phương pháp dạy học trải nghiệm, sử dụng giáo cụ trực quan... là các phương pháp được GV sử dụng nhiều nhất trong quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK. Theo kết quả phỏng vấn sâu chúng tôi được biết, phương pháp Xây dựng kế hoạch giáo dục cá biệt hoá (IEP) ít được sử dụng là do GV không có thời gian để đầu tư xây dựng và dạy tiết cá nhân cho từng trẻ, chỉ một số trẻ theo học cá nhân thì sẽ được học các bài tập có sẵn, cũng chưa có sự xây dựng sao cho phù hợp với đặc điểm của từng trẻ. Việc áp dụng các phương pháp giáo dục chuyên biệt dành cho TTK được một số ít GV sử dụng. Các phương pháp còn lại các GV ít sử dụng hoặc chưa từng sử dụng.

KẾT LUẬN

GV đều có nhận thức tích cực về vị trí, vai trò của các trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật trong giáo dục KNVĐ cho TTK. Trong công tác lập kế hoạch giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK một số nội dung đã thực hiện tương đối tốt. Khảo sát thực tiễn cho thấy tỷ lệ kế hoạch cá nhân được xây dựng để tổ chức can thiệp trực tiếp cho trẻ chỉ chiếm khoảng 20,5% trên tổng số các kế hoạch giáo dục trẻ phải xây dựng theo yêu cầu chuyên môn. Về thực trạng thực hiện quy trình giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK cho thấy, tỷ lệ các GV đã thực hiện các quy trình giáo dục đối với việc giáo dục phát triển KNVĐ cho TTK còn chưa được tốt.

Về nội dung giáo dục, theo đánh giá của GV, những nội dung được thực hiện thường xuyên gồm: Giáo dục KNVĐ tinh phối hợp tay – mắt (66,1 %); Giáo dục “KNVĐ đi, chạy và thăng bằng”(60,4 %); Giáo dục “KNVĐ bò, trườn,

trèo”(57,8 %); KNVĐ ném, chuyền và bắt(55,8%) và cuối cùng là Giáo dục “KNVĐ nhảy – bật”(55,6%). Các GV đã biết sử dụng phong phú các phương pháp để giáo dục KNVĐ cho TTK, tuy nhiên hiệu quả của các phương pháp còn chưa tương ứng với mức độ sử dụng. Các phương pháp được GV lựa chọn nhiều và cũng đem lại hiệu quả giáo dục cao gồm có: các phương pháp thị phạm, phân tích kết hợp thị phạm, khen thưởng, trách phạt, phương pháp dạy học trải nghiệm, sử dụng giáo cụ trực quan ... Tuy nhiên, trên thực tế do điều kiện khách quan và chủ quan từ phía GV, do tính phù hợp của các phương pháp chưa cao nên kết quả thu được vẫn còn hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 3/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018, Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.*
2. Trần Thị Minh Huệ (2017), “Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục số 150 kỳ 1*, tr. 52-54
3. Phan Ngọc Thiết Kế (2020), “Nghiên cứu phát triển khả năng vận động ở trẻ tự kỷ thông qua chương trình cá biệt hóa (IEP)”, *đề tài cấp cơ sở của Sở KH & CN TP. Đà Nẵng.*
4. Ron Lef, John McEachin, Jamison Dayharsh & Marlene Boehm, Những phương pháp trong việc dạy dỗ và cải thiện thái độ của trẻ tự kỉ, Tài liệu dịch, Câu lạc bộ gia đình Trẻ tự kỉ Hà Nội.
5. Trần Thị Lệ Thu (2010), *Đại cương Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hoàng Yến và cộng sự (2014), “Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011 – 2020”, *Đề tài độc lập cấp Nhà nước*, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 7/11/2023, Phản biện ngày 10/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)

Chịu trách nhiệm chính: Phan Ngọc Thiết Kế
Email: pnthietke@gmail.com)